

NGHỆ THUẬT XÂY DỰNG HÌNH TƯỢNG NHÂN VẬT TRONG TRUYỆN NGẮN CỦA SƠN NAM (KHẢO SÁT QUA VIỆC DÙNG TỪ ĐỊA PHƯƠNG NAM BỘ)

THE ART OF CONSTRUCTING CHARACTERS' IMAGES IN SON NAM'S
SHORT STORIES (AN INVESTIGATION INTO THE USE OF SOUTHERN DIALECT WORDS)

NGUYỄN VĂN NỞ (PGS. TS; Trường Đại học Cần Thơ)

NGUYỄN THỊ TUYẾT HOA (ThS; Trường PTHH Hồ Thị Kỷ, Cà Mau)

1. Mở đầu

Không gian Nam Bộ được phản ánh trong truyện ngắn Sơn Nam là không gian của đất rừng phương Nam trong những năm tháng đi khẩn hoang mở đất gian lao vất vả và cho đến những năm tháng kháng chiến chống Pháp đầy gian khổ. Gắn với không gian ấy là hình ảnh của những lão nông, những người tiên phong đi mở đất, những người từ xa xưa đã đánh vật với thú rừng, rắn rết, với cá sấu,... để sinh tồn. Cuộc sống của họ hoàn toàn tách biệt với cuộc sống thị thành ồn ào, khói bụi để gắn bó với hương vị rừng tràm, với cuộc sống còn bấp bênh nơi chốn rừng thiêng nước độc. Đa số họ là những người dân quê chân chất, thật thà, trọng nghĩa, bộc trực, thẳng thắn, lạc quan yêu đời,... Xây dựng hình tượng những con người ấy, Sơn Nam đã rất dụng công trong việc lựa chọn lớp từ chỉ hành động, tính chất, lớp ngữ khí từ trong hệ thống từ vựng của phương ngữ Nam Bộ để miêu tả ngoại hình, hành động, ngôn ngữ, nội tâm nhân vật; từ đó làm nổi bật tính cách nhân vật, giúp cho tính cách nhân vật hiện lên thật sinh động, phù hợp với đặc điểm của con người Nam Bộ. Bài viết này khảo sát việc dùng từ ngữ, trong đó có địa phương của Sơn Nam qua tập truyện "Hương rừng Cà Mau" [1] và "Biển cỏ miền Tây & Hình bóng cũ" [2].

2. Nội dung

2.1. Miêu tả ngoại hình nhân vật

Để miêu tả vẻ đẹp mặn mà, khỏe mạnh, đậm chất thôn quê của mẹ con Hồng, những người sống ở vùng nước ngọt quanh năm, vất vả với nghề làm ruộng, làm mắm, tác giả dùng từ "mặn mòi": "*Họ thuộc vào hạng mặn mòi, tóc dài mắt đen, cườm tay no tròn.*" [2]. Khi miêu tả vẻ rắn chắc, phong trần, lam lũ của những người đàn ông nơi miệt biển với cuộc sống cực khổ, Sơn Nam lại dùng từ "đen đúa" để khắc họa: "*Vài người đàn ông đen đúa, ở trần, tóc dài tới ót đi qua đi lại gần trại nuôi cá của ông Lơ Pheo.*" [1, tập 2]. "*Đen đúa*" là đen và có vẻ xấu, không chỉ có tác dụng gọi về sạm nắng bên ngoài mà còn gọi lên cả cuộc đời khô cực, vất vả để kiếm sống của họ nơi miền nắng gió. Nếu thay từ "*đen đúa*" bằng từ "*đen lánh*" thì không còn phù hợp. "*Đen lánh*" là đen nhánh, đen và bóng đẹp, thường được dùng để miêu tả vẻ đẹp của người phụ nữ: "*Thiếu phụ cười tùm tùm, đôi mắt đen lánh.*" (...). [2].

Đôi mắt "đen lánh" là một đôi mắt đẹp, không chỉ đẹp ở vẻ bên ngoài mà còn gọi lên nét đẹp ở tâm hồn, nét đẹp ở sự thân thiện của người thiếu phụ khi nở nụ cười chào đón người khách lạc đường.

Đặc biệt, trong truyện ngắn của Sơn Nam, khi miêu tả ngoại hình nhân vật, tác giả thường tập trung miêu tả đôi mắt. Miêu tả đôi mắt của một người mù thường có hiện tượng chớp, mở khép nhiều lần, tác giả dùng từ "trập trừng": "*Đôi mắt ông vẫn còn trập*

trùng.” [1, tập 3]. Miêu tả đôi mắt vô hồn của một người bị bệnh mộng du trong truyện *Người đi đêm*, tác giả lại dùng từ “cứng ngắt”: “*Mắt hẳn cứng ngắt như đôi mắt vẽ trên pho tượng bằng cây mà bọn phù thủy dùng làm ông tướng.*” [2]. “Cứng ngắt” là tính từ để chỉ trạng thái của sự vật, rất cứng, cứng đến độ không còn thay đổi hiện trạng được nữa. Đôi mắt “cứng ngắt” là một đôi mắt vô cảm, vô hồn, biểu thị trạng thái không còn tự chủ, không ý thức được những hành động của thầy Lý khi bị mộng du. Nếu thầy Lý, chồng của cô Ngọc, được tác giả miêu tả ngoại hình tập trung ở đôi mắt “cứng ngắt” thì đối với cô Ngọc, tác giả lại miêu tả bằng cặp mắt “trợn trắng”: “*Trong một thoáng, tôi thấy đôi mắt nàng trợn trắng, đứng trông giống hệt mắt của giáo Lý.*” [2]. Đôi mắt “trợn trắng”, “đứng trông” cũng là biểu hiện của một đôi mắt bệnh hoạn, vô cảm. Khi miêu tả đôi mắt của người già, Sơn Nam lại dùng từ “tèm hem”. “Tèm hem” là một tính từ chỉ tính chất, chỉ tình trạng ốm yếu, tiêu tụy về sức khỏe, kém về thị lực của người già: “*Ông nâng một viên ngọc trắng tuyệt, tròn như chiếc nhãn, để gần đôi mắt tèm hem.*” [2, tập 2]. Tuy kém về khả năng quan sát nhưng ông hội đồng Tàn vẫn cố gắng tập trung thị lực để ngắm nghía, thưởng thức vẻ đẹp viên ngọc trắng phòng thân của mình, đó là một món báu vật của ông.

Đôi mắt là cửa sổ tâm hồn, là cánh cửa để hé mở nội tâm sâu kín bên trong của nhân vật. Đọc truyện *Con cá chết đại*, người đọc không khỏi bị ám ảnh bởi đôi mắt “đỏ lòm” đầy tâm trạng của nhân vật Hai Ty: “*Bây giờ đôi mắt Hai Ty đỏ lòm với hai giọt nước mắt chưa rơi xuống.*” [2]. “Đỏ lòm” là đỏ quá gắt, đỏ đến mức có cảm giác ghê sợ. Đôi mắt “đỏ lòm” với hai giọt nước mắt chưa rơi xuống của Hai Ty là biểu hiện của một trạng

thái đau khổ tột cùng, dường như là bất lực trước hoàn cảnh. Giọt nước mắt của anh chưa một lần nhỏ xuống bởi lẽ nó đang được dồn nén, nuốt ngược vào trong. Giọt nước mắt chảy ngược bao giờ cũng gieo vào lòng người một niềm day dứt khôn nguôi. Tủi thân, đau khổ, xúc động là những trạng thái tâm lí được dồn nén trong lòng khi anh nghĩ đến thân phận của mình sống nơi “nắng cháy, nước mặn”, nghèo khổ lại mang căn bệnh giang hồ, thích gió rừng, yêu sóng biển làm sao có thể giữ chân được Hồng, một người đàn bà sống ở xứ nước ngọt quanh năm, là “một đóa hoa thơm” của vùng sông nước. Bao nhiêu nỗi lo buồn là bấy nhiêu tâm trạng được bộc lộ qua đôi mắt “đỏ lòm” ngân lệ nhưng chưa rơi của Hai Ty.

Khắc họa ngoại hình nhân vật, Sơn Nam không chỉ giúp người đọc cảm nhận được vẻ đẹp cũng như tính cách nhân vật mà còn giúp người đọc nhận ra được giọng điệu, thái độ, tình cảm của người nói khi miêu tả. Trong truyện *Nhứt phá sơn lâm*, Sơn Nam không trực tiếp miêu tả làn da của cô Mịn mà để tên cặp răng Be nhận xét: “*Người ta thấy da, thấy thịt của cô kia...cô dòm lại coi...trắng xát*” [1, tập 3].

“Trắng xát” là rất trắng, cái trắng đập mạnh vào mắt của người nhìn. Trong ngữ cảnh này từ “trắng xát” không có hàm ý khen vẻ đẹp của làn da cô Mịn mà có ý trêu chọc, mỉa mai. Hoặc khi miêu tả tình trạng kiệt sức, vẻ tiêu tụy vì bệnh tật của ông hương trưởng trong truyện *Câu Bảy Tiều*, tác giả lại dùng một ngữ để miêu tả với cách so sánh rất cụ thể, gọi hình: “*Nhung ông chưa tắt thở. Ông nằm dài trong buồng, đẹp lép như con khô mực.*” [1, tập 1]. “Đẹp lép như con khô mực” là rất đẹp, là cách so sánh rất giàu hình ảnh, gọi lên hình ảnh của một người ốm yếu, gầy mòn, không còn đủ sức khỏe để giành giật sự sống từ tay thần chết

vì đã hai mươi ngày trôi qua, ông không ăn được bất cứ thứ gì, chỉ nằm liệt trên giường. Cách miêu tả trên có hàm ý chê, mĩa mai hơn là sự động lòng thương cảm của người nói đối với tình trạng sức khỏe của ông hương trưởng.

Có thể thấy, khi miêu tả ngoại hình nhân vật, Sơn Nam đã vận dụng thành công lớp từ vựng của phương ngữ Nam Bộ. Không miêu tả dài dòng nhưng ngoại hình nhân vật trong truyện ngắn Sơn Nam vẫn được khắc họa rõ nét, mỗi người một vẻ. Ngoài ra, Sơn Nam cũng rất thành công trong việc vận dụng lớp từ chỉ hành động, tính chất để miêu tả hành động của nhân vật.

2.2. Miêu tả hành động nhân vật

Trong truyện *Hương rừng*, khi Tư Lập và thằng Kim trở lại thăm rừng tràm, chú Tư đã lấy cắp một ổ ong mật. Vì sợ bị phát hiện nên sau khi lấy trộm được ổ ong, chú Tư liền “*chụp cây dâm, boi trối chết, lướt qua năn, qua sậy.*” [1, tập 2]. Hành động của chú Tư thật khẩn trương, vội vã, gấp gáp. Boi “trối chết” là boi hết sức lực, boi thật nhanh, thật gấp để tránh bị phát hiện. Hành động đó phù hợp với tâm trạng hồi hộp, lo âu vì sợ bị phát hiện của chú Tư sau khi ăn trộm. Rừng tràm vừa là một niềm say mê vừa là một nỗi đau của Tư Lập. Hương tràm, hương mật ong thoang thoảng có sức quyến rũ lòng người ghé góm, khi đã đến thì không muốn rời xa nhưng tình người ở rừng tràm lại thật buồn. Tình cảm của chú đối với Hoàng Mai, một cô gái bị bệnh cùi, là một nỗi đau không bao giờ nguôi được. Tự trong thâm tâm, chú không muốn gặp lại cô. Câu hỏi của thằng Kim: “*Chú có bà con ở đây hả?*” [1, tập 2] đã khơi lại nỗi đau được chú chôn kín bao năm ròng. Chú Tư bỗng thấy chạnh lòng muốn “*quay trở lại*”: “*Thằng Kim đoán chừng Tư Lập đang suy nghĩ nhiều. Chú làm bảm:*

- *Ừ, bà con hay người dung, chuyện đó không quan hệ. Nhắc tới tao buồn quá, muốn quay trở lại bây giờ. Nhưng đã tới đây rồi không lẽ lại quay trở về*”. [1, tập 2].

“Quay” là quay lại, trở về, không tiếp tục hành trình. Từ này thể hiện chính xác tâm trạng đầy mâu thuẫn, sự trăn trở, day dứt của chú Tư giữa nỗi nhớ rừng tràm da diết và nỗi đau muốn chôn giấu một cuộc tình buồn. Hành động muốn “*quay trở lại*” của chú Tư là một biểu hiện của sự trốn tránh thực tại, không muốn khơi lại nỗi đau năm nào. Một số từ láy chỉ tính chất được Sơn Nam vận dụng trong việc miêu tả hành động nhân vật cũng rất đặc sắc làm cho hành động nhân vật hiện lên thật sinh động. Miêu tả dáng vẻ tất bật của ông Tư trong việc đi tìm lại cái sắc thần đã bị đánh cắp, tác giả dùng từ “*buron bả*” để khắc họa: “*Ông Tư buron bả ra cửa, vừa chạy vừa tri hô.*” [2]. “*Buron bả*” là từ dùng để miêu tả hành động gấp gáp, hối hả, vội vã vì đang gấp làm một việc quan trọng gì đó. Trong quan niệm tín ngưỡng của người dân, đình mà mất sắc thần thì tai họa sẽ xảy đến, mất một con trâu pháo thì còn sấm được một con trâu khác nhưng mất sắc thần, mất chức vị chánh bái thì không thể chuộc được. Do đó, việc đi tìm lại sắc thần đã bị đánh cắp là một điều vô cùng quan trọng, gấp gáp. Dùng động từ “*buron bả*” để miêu tả dáng vẻ gấp gáp, tâm trạng lo lắng của ông thật là phù hợp. Hay trong một ngữ cảnh khác: “*Tư Hưng từ đầu xóm chạy lon ton về, lớn tiếng thanh minh (...)*” [1, tập 1].

“*Lon ton*” là nhòn nhơ, thông thả, không có gì gấp gáp, vội vã. Dáng vẻ của Tư Hưng rất thành thoi bởi vì anh không hề hay biết về việc bày heo của anh đang phá phách xóm làng làm mọi người rất phiền. Hành động chạy “*lon ton*” của Tư Hưng phần nào cũng cho thấy được cuộc sống nhàn rỗi, thư thả ở thôn quê. Nếu “*lon ton*” gọi sự thông

thả, nhờn nhờn thì từ “lia lia”, “lia lia” lại gọi một hoạt động nhanh và liên tục. Hai từ này được Sơn Nam dùng rất nhiều trong việc miêu tả hành động nhân vật. Để cổ vũ tinh thần cho chú Tư trong cuộc chiến đấu oanh liệt với con sấu lửa trong truyện *Sông Gành Hào*, mọi người đứng hai bên bờ sông đánh trống, đánh mõ liên tục, thằng con chú Tư cũng cổ vũ nhiệt tình, hăng hái qua hành động “gõ vào mõ lia lia”: “*Tư Đức cầm ngọn lao, hòm sấn. Đưa con đứng kể bên gõ vào mõ lia lia.*” [1, tập 3]. Hành động “gõ vào mõ lia lia” của đứa con chú Tư không chỉ để động viên tinh thần cho chú mà còn thể hiện được khí thế sôi nổi, khẩn trương trong cuộc chiến đầy nguy hiểm của con người với thiên nhiên để sinh tồn. Hành động “thoa bóp lia lia” của ông kiểm lâm đối với chú Tư sau cuộc chiến đầy căng thẳng lại là biểu hiện của sự quan tâm, tri ân, ngưỡng mộ, chia sẻ của ông kiểm lâm đối với chú Tư, một người An Nam “hết sức giỏi”: “*Ông kiểm lâm nói:*

- *Uống hết đi! Tôi rót nữa cho.*

Miệng nói, tay của ông thoa bóp lia lia giùm chú Tư (...)” [1, tập 3].

Để chỉ sự đồng ý, tán thành nhiệt tình của nhân vật, tác giả cũng dùng từ “lia lia” để miêu tả hành động của nhân vật: “*Ông Hai Khị gật đầu lia lia (...)*” [1, tập 1].

Từ này còn được dùng để miêu tả hành động của nhân vật trong tình huống có vẻ khẩn cấp: “*Tôi đứng lóm thóm bên ngoài cửa, nhướng mắt... Bỗng nhiên, ông Năm Hên chạy ra ngoài, ngoắt lia lia: (...)*” [1, tập 2].

Lớp từ láy vốn dĩ rất gọi hình, gọi cảm. Mỗi từ láy xuất hiện trong truyện ngắn Sơn Nam thường gọi ra một trạng thái, một hành động, một tâm trạng khác nhau của nhân vật. “Rột rột” là từ láy gọi âm thanh, mô phỏng tiếng động nhỏ. Trong truyện *Chuyện rừng*

tràm, tác giả lại dùng từ này để miêu tả hành động của cô Một: “*Cô ta về giận dữ: đôi tay cầu xé vào đồng tràm nghe rột rột.*” [1, tập 1]. Hành động cầu xé vào đồng tràm nghe “rột rột” có vẻ vô thức của một người điên vì tình nhưng thực ra đó là biểu hiện của sự tức giận, kết quả của sự dồn nén bao nỗi thương, trông đợi người tình bấy lâu đến uất ức trong lòng cô Một. Nếu “rột rột” là từ gọi âm thì “riu riu” lại là từ gọi hình, gọi cảm. “Riu riu” là từ dùng để miêu tả trạng thái sợ sệt, sợ đến độ khiến người co lại và run. Đó là dáng vẻ và tâm trạng của chú biện Tổng khi tiếp xúc với ông Cò Lơ Hia: “*Chú biện Tổng riu riu bước theo ông cò*” [1, tập 1]. Đó là tâm trạng và dáng vẻ của một kẻ bị tội đối với kẻ đi bắt tội, của tầng lớp bị trị và tầng lớp thống trị. Khoảng cách khá xa giữa ông cò và chú biện là nguyên nhân này sinh tâm trạng trên. Trong giao tiếp, người Nam Bộ thường dùng từ “dần mặt” để chỉ hành động uy hiếp, tạo thế mạnh cho mình trước đối thủ. Thấy Thiệp trêu ghẹo con gái và có hành vi thân thiết, muốn “ăn trộm hái hoa tươi”, ông hương thân “hươi cây ba-ton”, “môi run run” tuôn ra những lời trách mắng như “sấm nổ, rung chuyển” để “dần mặt” thằng Thiệp đến độ nó sợ co chân bỏ chạy. Ông “dần mặt” không phải vì ghét bỏ mà “dần mặt” chỉ là để giữ danh dự, thể diện cho gia đình và đứa con gái, không để thằng Thiệp có những hành động sấm sỡ quá đáng. Đây cũng là một cách để thể hiện cái uy của người bề trên đối với kẻ bề dưới. “*Chợt thấy thằng Thiệp đang co chân chạy ra sau vườn, ông hương thân nói khẽ: - Phải dần mặt nó như vậy mới được (...)*” [2].

Nhìn chung, khi miêu tả hành động của nhân vật, Sơn Nam cũng sử dụng rất nhiều lớp từ quen thuộc của phương ngữ Nam Bộ để miêu tả. Xét về từ loại, đó có thể là những động từ chỉ hành động hoặc tính từ chỉ tính

chất đi kèm với động từ để nhấn mạnh hành động của nhân vật. Xét về cấu tạo, có khi đó là một từ đơn, từ ghép hoặc một từ láy. Sự xuất hiện của lớp từ này làm cho hành động nhân vật được miêu tả thật sinh động. Ngoài ra, Sơn Nam còn vận dụng đa dạng lớp từ này để miêu tả nội tâm nhân vật.

2.3. Miêu tả nội tâm nhân vật

Trong truyện *Mùa len trâu*, nghe tiếng kêu vang dội của thằng Nhi khi nó trở về sau mùa len trâu, “*Chú Tư, thím Tư mừng quýnh, tốc mừng chạy ra: thằng Nhi về đó, coi bộ đi hơ hơn mọi ngày, mang trên vai một đồng gì cao nghệu. Chú Tư xanh mặt.*” [1, tập 3]. Từ “mừng quýnh” đã miêu tả thật chính xác tâm trạng vui mừng cũng như sự lo lắng, quan tâm của chú Tư và thím Tư khi thấy con trở về an toàn sau mùa nước nổi. Dù tính mạng con được vẹn toàn nhưng một con trâu chết là một nửa gia sản của chú Tư bị mất đi nên chú “xanh mặt” khi thấy con vác một đồng gì cao nghệu trên vai. “Xanh mặt” là biểu hiện của một trạng thái hoảng hốt, buồn, lo lắng có phần sợ hãi biểu lộ rõ trên sự biến sắc của nét mặt chú Tư. Vì lẽ, đối với chú, con trâu là đầu cơ nghiệp, mất đi một con trâu là mất đi cả gia tài.

Trong truyện *Có Út về rừng*, ông bà Cả luôn sống trong tâm trạng trông ngóng, mòn mỏi chờ đợi tin con từ ngày này qua ngày khác nên khi thấy có người đến báo tin về cô Út, bà Cả “mừng quýnh” lên hỏi han đủ điều: “*Bà Cả mừng quýnh: - Úy! Bộ con Út để năm một sao? Con nhỏ đó giỏi thiệt.*” [1, tập 2].

Từ “mừng quýnh” cũng đã lột tả được niềm vui tột bậc và nỗi lo lắng, tình thương con vô bờ bến của bậc làm cha mẹ đối với con cái. Trái với tâm trạng “mừng quýnh”, những từ chỉ tâm trạng buồn: buồn xo, buồn điếng, xôn xang,... cũng được Sơn Nam vận dụng để miêu tả nội tâm nhân vật. “Buồn

xo” buồn thiu, buồn bực lộ rõ trên nét mặt như đang tiếc xót một cái gì. Nỗi buồn đó được thể hiện rõ ở điệu bộ, dáng vẻ ủ rũ, có vẻ chán chường của nhân vật. Đó là vẻ mặt “buồn xo” của Hai Lượng trong *Hội ngộ bến Tầm Dương* khi việc làm ăn của anh ngày một xuống dốc, anh không được tự do đi rừng đốn củi lậu mà phải làm mướn cho Tây: “*Bữa nay sao lại buồn xo vậy?*” [1, tập 2]. Hay đó còn là gương mặt ủ rũ, nhìn xa xăm với dáng ngồi buồn bã, bất động của thím Tư khi nghĩ đến cảnh cơ cực vào mùa nước nổi: “*Càng nhắc tới, chú Tư càng thích chí, thím Tư trái lại ngồi buồn xo, không tin nơi lời chồng, cho rằng đó là kiểu an ủi gượng của kẻ túng cùng.*” [1, tập 3]. Nếu “buồn xo” là nỗi buồn được bộc lộ ra vẻ bên ngoài thì “buồn điếng” lại nghiêng về miêu tả nỗi đau đớn, quặn thắt bên trong. Đó là nỗi đau đớn vô cùng của thằng Kim trong *Một cuộc biển dâu* khi chứng kiến cảnh cha chết đột ngột giữa biển nước mênh mông nơi xứ lạ quê người vào mùa nước nổi. “*Em bé bơi trước, thằng Kim theo sau, trong dạ buồn điếng, nhưng cũng khuấy khỏa được ít nhiều.*” [1, tập 3]. Từ “buồn điếng” không chỉ gợi lên nỗi buồn mà còn gợi lên nỗi đau, sự xót xa của thằng Kim trước sự mất mát người thân quá lớn, quá đột ngột.

Vận dụng đa dạng lớp từ chỉ tính chất, cảm xúc để khắc họa tâm trạng, Sơn Nam đã miêu tả được những trạng thái cảm xúc phức tạp của nhân vật. “*Thưa ông bà, chắc là chẳng trúng gì ráo. Tôi vừa thăm ông, vợ chồng ông tỉnh khô, cách ăn uống con cái của ông như mọi ngày. Xin lỗi chắc bà con xóm này đồn đãi trật rồi.*” [1, tập 3]. “Tỉnh khô” là tỉnh bơ, làm ra vẻ bình thường như không có chuyện gì xảy ra. Trước niềm vui được trúng số, vợ chồng anh Mộc vẫn “tỉnh khô” như không có chuyện gì xảy ra vì họ

không muốn cho người bạn thân biết, cũng không muốn san sẻ niềm hạnh phúc đó với ai. Về “tình khô” bên ngoài chỉ là sự giả tạo để che đậy cho niềm vui lẫn nỗi lo bên trong. “Sảng sốt” là trạng thái tâm lí hoảng hốt, thảng thốt, bất ngờ trước một điều gì. Khi nghe cậu Hai nêu hình thức xử phạt chú Tư Liệt vì tội ăn uống sang trọng, dấm “nấu chè với sữa bò”, “tá điền mà ăn uống sang trọng hơn chủ điền, đó là tội khinh quân”, chú vô cùng “sảng sốt”: “*Nghe qua, tôi sảng sốt. Cậu Hai nói tiếp: - Ừ, tôi nói thật. Làm liều chứ chưa phải liều mạng! (...)*” [2]. Chú hoàn toàn bị bất ngờ, ngỡ ngàng trước hình thức xử phạt của cậu Hai về cái tội ăn uống của mình. Ăn uống sang trọng hơn chủ điền cũng là một cái tội, thật là lạ! Cuộc sống bị áp bức làm con người ta bị mất tự do hoàn toàn, kể cả nhu cầu thiết yếu của con người là ăn uống. Trong truyện *Con cá chết đại*, khi gặp Hồng lần đầu tiên, Hai Ty cũng “sảng sốt” trước vẻ đẹp mặn mà của Hồng. “*Tuy nhiên, hẳn chưa bao giờ sảng sốt, ngỡ ngàng như khi gặp Hồng lần đầu tiên.*” [2]. Từ “sảng sốt” thể hiện thật chính xác tâm trạng ngỡ ngàng, sự rung động mãnh liệt trong lòng của Hai Ty. Bên cạnh sự xuất hiện của những tính từ chỉ cảm xúc, sự xuất hiện của những ngữ khí từ cũng góp phần thể hiện rõ nội tâm nhân vật như: trời đất, trời thần, chết cha, úy trời... “*Trời đất ơi! Mấy năm rồi tôi muốn biết cho rành cái...tụi người đó*” [1, tập 3]. “Trời đất ơi!” là một câu cảm thán thể hiện rõ thái độ ngạc nhiên, vui mừng, pha chút tò mò của cậu xã trong truyện *Ông già xay lúa*. Đã từ lâu cậu muốn tìm hiểu về câu chuyện những người dân ở hòn Cổ Tron ở trường nhưng không có dịp,

nay gặp được ông Năm ở hòn Cổ Tron vào thật là một dịp may hiếm có nên cậu rất vui mừng. “Chết cha” là từ biểu thị tâm trạng lo lắng: “*Trời! Cái sắc thân đã mất. Ai lên vào đây ăn trộm vậy kìa! Chết cha! Phen này...tội nặng lắm.*” [2].

Đây là tâm trạng lo lắng của ông hương cả Bạch khi làm mất sắc thân. “Trời thần” lại chỉ sự ngạc nhiên, bất ngờ vô cùng của những người dân ở vùng sông Gành Hào trước sự dũng cảm của thằng con chú Tư trong cuộc chiến đấu với sấu: “*Trời thần ơi! Thằng nhỏ con Tư Đức gan dạ quá.*” [1, tập 3].

Nhìn chung, khi miêu tả nội tâm nhân vật, Sơn Nam thường dùng những động từ, tính từ cụ thể, hoặc những ngữ khí từ để khắc họa. Giống như khi miêu tả ngoại hình, Sơn Nam cũng rất ít chú trọng miêu tả tỉ mỉ tâm trạng nhân vật, tác giả thường miêu tả bằng một vài từ rất cụ thể nhưng có sức khái quát cao. Vì vậy, nhân vật của Sơn Nam cũng có độ sâu về nội tâm nhất định. Có lẽ nét đặc sắc nhất trong nghệ thuật xây dựng nhân vật trong truyện ngắn Sơn Nam là tác giả đã vận dụng rất thành công lớp từ khẩu ngữ Nam Bộ để miêu tả ngôn ngữ nhân vật.

2.4. Miêu tả ngôn ngữ nhân vật

Ngôn ngữ nhân vật là một trong những yếu tố quan trọng góp phần thể hiện tính cách nhân vật. Vận dụng lớp từ của phương ngữ Nam Bộ để miêu tả ngôn ngữ nhân vật, Sơn Nam đã thể hiện thật sinh động cách nói năng, ứng xử mang đậm chất Nam Bộ cũng như những nét tính cách khác nhau của nhân vật. Nhân vật trong truyện ngắn của Sơn Nam đa số là những người nông dân nghèo ở làng quê Nam Bộ nên cách ăn nói của họ rất mộc mạc, chân chất. Vận dụng lớp từ khẩu ngữ Nam Bộ trong quá trình miêu tả ngôn ngữ nhân vật, Sơn Nam đã phản ánh thật

sinh động cách nói năng mộc mạc, chân chất đó. Ví dụ: *Chùng năm chục kí lô. Một thấy mẹ...* [2]; *“Một con! Hai con! Bốn con! Một con tô nài này nĩa!”* [2]; *“Ngặt xứ đó kì quái hiểm nguy. Nội cái tên Cảnh Đền nghe cũng di hơm.”* [1, tập 2]; *“Nhè tui tui mà họ rung cây nhát khi chó!”* [1, tập 2]; *“Bây nè! Ai hơi đâu làm chuyện bá láp.”* [1, tập 2].

Không chỉ vậy, thông qua ngôn ngữ nhân vật, tính cách của họ cũng được bộc lộ rõ nét. Vốn rất trọng nghĩa tình, bộc trực, ngang tàng nên trong cách cư xử, bao giờ người Nam Bộ nói chung, nhân vật trong truyện ngắn Sơn Nam nói riêng cũng thể hiện sự yêu ghét phân minh, rạch ròi. Họ thích nói thật, nói thẳng, ghét cách nói lòng vòng, nói những chuyện không đúng sự thật, thiếu chứng cứ.

“Giọng Hai Cờ Đỏ nói sang sảng:

- Đố các cha vậ chó rừng này hồi đời xưa có vua Gia Long đi ngang qua không?

Có tiếng cãi lại:

- Túng tiền thì lại đây, tôi cho mượn đờ vài cắc, chớ đừng nói dóc. Nói phải có sách, mách phải có chứng.

- Dân ở Cờ Đỏ không bao giờ nói dóc. Để tôi nói lại. Số là xưa kia... (...)

Ai nấy nhón nháo lên:

- Nghe lòng vòng quá. Nói cho le thú coi... Muỗi cắn gần chết đây nè? Bà con nào cho tôi mượn bếp un, quạt khói lên giùm...” [1, tập 3].

Thông qua ngôn ngữ đối thoại của Hai Cờ Đỏ với các “tay riu” trong truyện *Nhứt phá sơn lâm*, người đọc nhận ra sự bộc trực trong cách nói năng, sự thật thà trong tính cách của các nhân vật. Vì không thích “nói dóc”, nói “lòng vòng” nên khi nghe cậu Minh giải thích lòng vòng về “nền văn minh mật ong” trong truyện *Cái ổ ong*, ông Tư tỏ thái độ không đồng ý ngay tức khắc: *“Cháu nói hơi trật chia rồi! Chắc đó là loài ong lỗ,*

ong vò vễ, thứ ong đóng ổ ở sau chuồng heo.” (Hương rừng Cà Mau, tập 1). Nói hơi “trật chia” là nói không đúng, sai bài bản, không khớp với nội dung câu chuyện đang bàn giữa ông Tư và cậu Minh. Đây là cách dùng từ rất riêng của người Nam Bộ. Vì rất thẳng tính, thích ăn ngay nói thẳng nên người Nam Bộ nghĩ sao nói vậy, không cần phải dè dặt, không sợ méch lòng. Điều gì không thích, không muốn, họ dứt khoát từ chối thẳng thắn, không kiêng nể. Điều này thể hiện rõ trong ngôn ngữ nhân vật Hai Nhiệm trong truyện *Con bà Tám*. Vốn không tin vào bói toán nên trước lời ngỏ ý giúp đỡ của thầy Tư để coi ngày “bỏ tróc”, Hai Nhiệm dứt khoát chối từ: *“Tôi thì chẳng cho thằng cha nào hùn vô hết! Năm nay tôi “xù” cái vụ coi tuổi, coi quẻ bát quái, coi ngày bỏ tróc. Minh hên thì mọi việc đều xong. Nếu hết thời, một trăm ông thầy nò cũng không cứu nổi. Hơn nữa môi “cha” thầy nò bàn một cách; cha nào cũng tự xưng là thần, là thánh tối ngày ngồi trên đất cạ mà nói chuyện cá tôm dưới đáy biển.”* (Biển cỏ miền Tây và hình bóng cũ). Với lời nói thẳng thắn, mộc mạc, giọng điệu ngang tàng, Hai Nhiệm đã thể hiện rõ sự xem thường ra mặt của anh đối với những ông thầy nò thích xem bói toán qua cách gọi họ bằng “thằng cha”, “mỗi cha thầy nò”, “cha nào” và cách nói dứt khoát “xù cái vụ coi tuổi”. Với anh, niềm tin vào bản thân mình quan trọng hơn sự tín ngưỡng một cách mù quáng. Đây cũng là một biểu hiện của tính bộc trực ở Hai Nhiệm. Không bằng lòng với việc trêu chọc, đùa giỡn của người yêu không đúng nơi, đúng lúc, Huệ đã bộc lộ sự tức giận bằng những lời nói rất thật, rất thẳng, thể hiện sự đứng đắn, đàng hoàng trong tính cách của một cô gái quê trong sáng:

Huệ giựt mình, bước lui:

- Kì quá hè. Thiệt là “ba sơn ba sắc”. Ông xuống bây giờ. Cỡ này, ông hay quau

bắt từ lắm. Chờ mai một, hẹn chỗ khác, bỏ chết sao mà nóng nảy dữ vậy.

(...)- *Nói dóc hoài. Đứng dang ra xa, bằng không em chạy lên nhà méc ba bây giờ.*

(...) - *Nói giỡn hoài. Anh giỡn nhây rồi đó.* [2].

Trong lời nói của Huệ ở đoạn đối thoại trên, tác giả sử dụng nhiều từ khẩu ngữ Nam Bộ để miêu tả có giá trị biểu đạt cao vừa thể hiện được tâm trạng của nhân vật vừa thể hiện được tính cách của nhân vật. Các từ được sắp xếp theo một trật tự phù hợp thể hiện được sự thay đổi trong thái độ của Huệ đối với người yêu từ thái độ mặc cỡ “kì quá hè” đến thái độ không vừa lòng vì sự sỗ sác, vô ý, vô tứ của Thiệp “Thiệt là “ba sỏn ba sỏc”, rồi thái độ bực dọc “nói dóc hoài”, “chạy lên nhà méc ba bây giờ” đến sự tức giận, quạu quọ vì sự đùa nghịch liên tục của Thiệp “nói giỡn hoài”, “giỡn nhây rồi đó”. Mỗi từ gợi ra một thái độ, một cảm xúc khác nhau của nhân vật nhưng đều thể hiện sự bộc trực, thẳng thắn, chân thật trong tính cách của cô. Chân thật, mộc mạc, sống ngay thẳng là một nét đẹp trong tính cách của các nhân vật được thể hiện qua ngôn ngữ của họ. Tuy nghèo khổ nhưng họ vẫn sống rất ngay thẳng, trọng nghĩa, không làm “chuyện sái với lương tâm”. Đó là vẻ đẹp trong quan niệm sống của ông Chòi Mui được thể hiện thông qua cuộc đối thoại giữa ông với Năm Pho trong *Đại chiến với thầy Chà*:

“Ông Chòi Mui lờm Năm Pho:

- *Bộ mày muốn xúi tao đánh nó giút thuốc rê hà? Nghèo, phải ráng chịu. Không bao giờ tao làm chuyện sái với lương tâm.”* [1, tập 2].

“Xúi” là xúi giục, xui làm việc không tốt, có tác hại đến với người khác. Dẫu sống nghèo khổ trong một căn chòi rách nát với tài sản đất giá nhất là một cái mùng rách nhưng ông vẫn nhất định giữ sự trong sạch

cho tâm hồn. Điều gì trái với đạo đức, trái với lương tâm, ảnh hưởng đến người khác, ông nhất định không làm. Hành động “lờm” cùng với thái độ thối mắc và lời khẳng định dứt khoát của ông Chòi Mui đã thể hiện điều đó. Tuy cuộc sống nghèo khổ, cơ cực nhưng với người Nam Bộ, chữ tình, chữ nghĩa luôn đặt lên hàng đầu. Trong giao tiếp, họ rất hiếu khách, chân thành, tế nhị trong cách cư xử. Khi mời mọc hoặc cho, biếu ai cái gì, họ luôn mong muốn thể hiện hết tình cảm chân thành của mình. “Lấy thảo” là từ thường được dùng đệm trong câu nói của người Nam Bộ trong các tình huống trên. Đó là cách nói mộc mạc nhưng chân tình, có hàm ý trân trọng người mình cho, đây là cách nói rất đặc trưng của người Nam Bộ. “*Chẳng hay quan Toàn quyền đại thần có ghé lại xóm mình để uống nước trà... lấy thảo hay không?*” [1, tập 2].

Chân thật, mộc mạc, trọng tình nhưng trong cách cư xử, họ luôn đòi hỏi sự công bằng, nếu thấy quyền lợi bị chèn ép, họ sẵn sàng “ăn thua”. Điều này thể hiện rõ trong lời nói của nhân vật Hai Cọp trong *Ngày mưa đầu mùa*:

“- *Nhuông chiếc xuống cho ông Tư. Mình đi bộ cũng dur sức ăn thua với Tây. Một người nói:*

- *Chơi khôn hà? Anh xuống xuống với ông Tư để chạy cho lẹ, bỏ tụi này chết bỏ chết bụi. Mạng của ai cũng quý như ai. Xúi này không thằng cha nào làm cha thằng nào hết!”* [1, tập 3].

“Chơi khôn” là chơi hơn người khác, chỉ muốn hơn người khác, không muốn thua, đó là cách cư xử thể hiện sự tính toán, ích kỉ, vụ lợi. “Làm cha” cũng là từ để chỉ cách cư xử thiếu sự tế nhị, thiếu sự tôn trọng đối với người khác. Cả hai từ này đều có hàm nghĩa xấu, đều chỉ cách cư xử không đẹp, thiếu lịch sự trong giao tiếp. Cách cư xử ấy không phù hợp với tinh thần hiệp nghĩa của người

Nam Bộ. Đặt từ “chơi khôn”, “làm cha” hay cách gọi “thằng cha” trong lời nói của Hai Cọp, tác giả đã làm nổi bật vẻ khăng khái, cũng như sự ngang tàng của nhân vật.

Tóm lại, thông qua việc sử dụng lớp từ trong phương ngữ Nam Bộ để miêu tả ngôn ngữ nhân vật kết hợp với cách sử dụng những câu văn gọn, trong sáng, giản dị, giọng văn đậm chất Nam Bộ, Sơn Nam đã tạo được nét chân thật, cụ thể, gần gũi cho các nhân vật, thể hiện được cách nói năng mộc mạc, bình dị và vẻ đẹp riêng trong tính cách của họ.

3. Kết luận

Vận dụng ngôn ngữ một cách thành thạo và điêu luyện, khéo léo mà không cầu kì, mộc mạc chân thành, giản dị, dễ hiểu mà không kém mượt mà, không làm mất đi tính thẩm mỹ của văn học là đặc điểm thành công trong việc vận dụng từ ngữ để sáng tác của nhà văn Sơn Nam. Tác phẩm của ông là một bức tranh nông thôn sống động với những nét chấm phá giản đơn về cuộc sống và con người Nam Bộ trong buổi đầu khẩn hoang. Đọc tác phẩm của Sơn Nam, người đọc miền sông nước Nam Bộ như được “chiêu đãi” một bữa đặc sản ngôn ngữ của chính quê hương mình, cảm thấy sung sướng và yêu thích vô cùng tiếng nói vùng đất mình. Sơn Nam là một trong số những nhà văn sử dụng thành công từ địa phương trong sáng tác nói chung, xây dựng hình tượng nhân vật nói riêng. Vận dụng từ địa phương vào trong sáng tác làm cho văn phong của Sơn Nam thật bình dị, mộc mạc, gần gũi với lời ăn tiếng nói của người dân Nam Bộ. Những lớp từ này có lẽ vừa gây khó khăn đối với người đọc ở các vùng miền khác vừa tạo nên sự hấp dẫn, khơi gợi, khám phá về vùng đất, con người và ngôn ngữ Nam Bộ được thể hiện một cách chân thật, sinh động qua tác phẩm của Sơn Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Văn Ái (chủ biên) (1987), *Sổ tay phương ngữ Nam Bộ*, Nxb Cửu Long.
2. Trần Thị Ngọc Lang (1995), *Phương ngữ Nam Bộ*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
3. Nguyễn Văn Nở (2012), *Phong cách học tiếng Việt*, Nxb Đại học Cần Thơ, Cần Thơ.
4. Nguyễn Văn Nở và Dương Thị Thúy Hằng (2013), *Nghệ thuật xây dựng hình tượng nhân vật trong tác phẩm Sơn Nam (Khảo sát qua cách sử dụng thành ngữ, tục ngữ)*. In trong *Ki yếu Hội thảo Ngôn ngữ học Toàn quốc 2013* (tr. 638-649), Nxb Đại học Sư phạm. Hà Nội, Hà Nội.
5. Vương Hồng Sển (1993), *Tự vị tiếng Việt miền Nam*, Nxb Văn hóa.

DẪN LIỆU

[1] Sơn Nam:

- (2011), *Hương rừng Cà Mau*, Tập 1, Nxb Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.
- (2012), *Hương rừng Cà Mau*, Tập 2, Nxb Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.
- (2012), *Hương rừng Cà Mau*, Tập 3, Nxb Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh

[2] Sơn Nam (2009), *Biển cỏ miền Tây và Hình bóng cũ*. Nxb Trẻ.

Abstract: Sơn Nam was one of the famous writers of Southern Literature in the 1954 – 1975 period. Apart from being a talented writer, he was also a journalist, a researcher and a folklorist. One of the elements making Sơn Nam’s short stories appealing is the way he used language, especially his use of Southern dialect words. In this article, we just concentrate on this lexical subset that Sơn Nam used to build the images of the characters in his works.

Key words: image; character; describe; short stories; dialect words.